

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
(MECO JSC)

..... @

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017

Báo cáo gồm có:

- 1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất – Mẫu số B01-DN*
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất – Mẫu số B02-DN*
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất – Mẫu số B03-DN*
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất – Mẫu số B09-DN*

HÀ NỘI – 2017

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,135,744,105,208	1,033,521,082,629
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		43,326,841,434	12,240,784,017
1. Tiền	111	V.01	43,326,841,434	9,104,111,576
2. Các khoản tương đương tiền	112			3,136,672,441
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	273,920,000	157,504,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		342,250,000	342,250,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	122		(68,330,000)	(184,746,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		687,503,485,759	616,666,595,346
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	418,138,103,703	427,913,275,409
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		77,140,750,463	80,184,962,525
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	202,506,719,050	118,850,444,869
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(10,775,776,791)	(10,775,776,791)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	493,689,334	493,689,334
IV. Hàng tồn kho	140		401,388,663,821	403,701,433,894
1. Hàng tồn kho	141	V.07	475,286,136,890	477,598,906,963
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(73,897,473,069)	(73,897,473,069)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,251,194,194	754,765,372
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	91,136,106	282,060,109
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,160,058,088	472,705,263
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		887,320,186,268	855,155,679,832
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		529,324,381,569	547,698,518,953
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	529,324,381,569	547,698,518,953
- Nguyên giá	222		641,135,372,586	649,975,737,399
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(111,810,991,017)	(102,277,218,446)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	291,483,958,538	214,704,693,861
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		291,483,958,538	214,704,693,861
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	66,078,603,813	92,431,335,655
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		62,728,603,813	63,025,082,735
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5,900,000,000	59,347,824,939
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2,550,000,000)	(29,941,572,019)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
V. Tài sản dài hạn khác	260		433,242,348	321,131,363
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	404,309,766	292,198,781
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		28,932,582	28,932,582
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,023,064,291,476	1,888,676,762,461

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà nội
Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

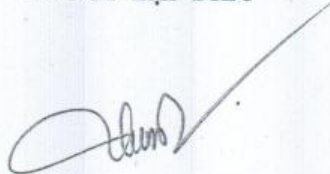
Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1,410,306,030,492	1,281,526,739,599
I. Nợ ngắn hạn	310		918,072,234,597	870,964,702,153
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	211,737,714,147	227,340,487,957
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		45,118,531,917	46,907,108,794
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	50,402,626,567	40,201,227,772
4. Phải trả người lao động	314		4,584,079,088	5,022,322,612
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	157,185,374,039	183,095,239,166
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	272,790,976,964	198,349,067,560
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	165,973,638,342	159,261,904,759
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10,279,293,533	10,787,343,533
II. Nợ dài hạn	330		492,233,795,895	410,562,037,446
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		73,425,044,177	73,425,044,177
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		11,681,086,486	11,681,086,486
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	406,477,665,232	324,805,906,783
4. Trái phiếu chuyển đổi	339		650,000,000	650,000,000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		612,758,260,984	607,150,022,862
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	612,745,331,733	607,129,229,672
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575,100,000,000	575,100,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575,100,000,000	575,100,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32,960,749,348	32,960,749,348
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(73,426,398,513)	(73,426,398,513)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28,817,258,755	28,817,258,755
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38,180,282,836	34,551,042,977
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		40,319,250,672	25,575,476,453
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2,138,967,836)	8,975,566,524
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11,113,439,307	9,126,577,105
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	12,929,251	20,793,190
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		12,929,251	20,793,190
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,023,064,291,476	1,888,676,762,461

Hà nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI LẬP-BIỂU




PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN NGỌC HƯNG

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN NGỌC BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

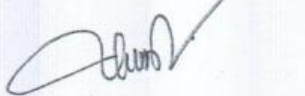
Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	51,764,556,819	74,925,447,169	114,594,059,888	243,776,006,776
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		51,764,556,819	74,925,447,169	114,594,059,888	243,776,006,776
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	30,706,658,453	65,146,560,183	84,157,354,123	215,397,362,826
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21,057,898,366	9,778,886,986	30,436,705,765	28,378,643,950
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	27,274,173	14,574,480	- 97,582,384	763,598,176
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	248,892,528	5,396,588,472	124,705,909	13,470,414,436
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,991,881,793	4,530,657,015	8,158,628,929	16,125,442,379
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	24		(105,181,000)	(105,181,000)	(315,543,000)	(315,543,000)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.08	4,650,450	8,885,302	14,131,600	43,261,264
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	1,812,134,670	1,975,411,383	5,074,168,929	6,412,091,646
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18,914,313,891	2,307,395,309	25,005,738,711	8,900,931,780
12. Thu nhập khác	31	VI.06	87,226,890		161,666,050	289,291,859
13. Chi phí khác	32	VI.07	5,961,716,435	1,255,702,198	6,188,324,251	1,263,377,011
14. Lợi nhuận khác	40		(5,874,489,545)	(1,255,702,198)	(6,026,658,201)	(974,085,152)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13,039,824,346	1,051,693,111	18,979,080,510	7,926,846,628
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	15,171,413,979	406,498,444	15,212,978,449	630,463,993
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2,131,589,633)	645,194,667	3,766,102,061	7,296,382,635
19. LN sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(2,138,967,836)	543,875,509	3,629,239,859	7,170,659,079
20. LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		7,378,203	101,319,158	136,862,202	125,723,556
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(41)	10	70	138
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN NGỌC HƯNG

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

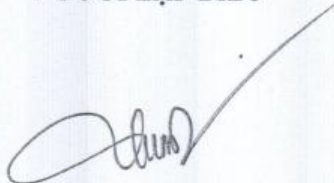
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu năm 2017

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	LƯY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18,979,080,510	7,926,846,628
2. Điều chỉnh cho các khoản			22,611,673,380	23,821,638,124
- Khấu hao TSCĐ	02		18,270,971,534	10,848,235,268
- Các khoản dự phòng	03		(27,507,988,019)	(2,661,028,900)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		448,529,275	(191,176,378)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		19,357,549,707	(299,834,245)
- Chi phí lãi vay	06		12,042,610,883	16,125,442,379
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41,590,753,890	31,748,484,752
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(73,208,700,238)	(59,783,084,205)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		2,312,770,073	119,305,477,624
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		42,183,242,727	21,671,646,760
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		78,813,018	9,000,334
- Tiền lãi vay đã trả	14		(26,433,028,632)	(19,004,462,535)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(701,682,843)	(226,644,439)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(508,050,000)	(468,073,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14,685,882,005)	93,252,345,291
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(71,001,698,797)	(141,204,491,613)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		500,000,000	250,000,000
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			6,184,817,450
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(19,064,078)	
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		34,241,634,000	1,500,000,000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			208,598,169
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36,279,128,875)	(133,061,075,994)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ đi vay	33		120,471,307,699	38,667,055,875
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(38,421,438,404)	(123,504,850,033)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		82,049,869,295	(84,837,794,158)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		31,084,858,415	(124,646,524,861)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12,240,784,017	137,301,291,085
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1,199,002	(220,344)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		43,326,841,434	12,654,545,880

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN NGỌC HƯNG

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2017

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. Ngành nghề kinh doanh:

- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyên chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý kỹ gửi hàng hóa;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mô địa chất

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc tập đoàn

- Tổng số các Công ty con: 04

+ Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 04

+ Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

+ Công ty CP đầu tư thủy điện An pha

Địa chỉ: Số 214, đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98,81 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98,81 %

+ Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 89%

+ Công ty CP khoáng sản MECO

Địa chỉ: Thôn Đồng Lạt, Xã Trung Sơn, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hòa Bình

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 92,02 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75 %

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

+ Công ty CP Bất động sản MECO

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 67,5 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 67,5 %

- Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

+ Công ty CP cơ điện và XD Hòa Bình

Địa chỉ trụ sở chính: Tiểu khu 4, thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình

Tỷ lệ phần sở hữu: 32,49 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 46 %

+ Công ty CP XD thủy lợi MECO Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: 205 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ phần sở hữu: 28,05 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 28,05 %

- Công ty CP cơ khí Văn Lâm

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ngọc Loan, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

Tỷ lệ phần sở hữu: 100 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 45 %

+ Công ty CP thủy điện Thác Xăng

Địa chỉ: 2A14 tổ 1D, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 77,95 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 35 %

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính 2017 là năm tài chính thứ 12 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh: được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

c) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết: được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 Công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Tại thời điểm báo cáo nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

▪ Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

▪ Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) được lập vào cuối niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh to việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc và thiết bị	7 – 12
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định khác	4 – 6

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí đi vay để đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở cao tầng và văn phòng Dự án tại 102 Trường Chinh được vốn hóa vào giá trị công trình.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Riêng đối với công cụ dụng cụ được phân loại lại do không đủ tiêu chuẩn là Tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nêu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ trừ các trường hợp chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp, riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

14. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Thu nhập khác gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí tài chính khác.

Chi phí tài chính được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

21. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của tập đoàn cũng được trình bày riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con:

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được loại trừ toàn bộ.

Số dư các khoản mục phải thu, phải trả, cho vay... giữa các đơn vị trong tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn được loại trừ toàn bộ.

Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

		Cuối kỳ		Đầu năm	
1- Tiền					
- Tiền mặt				2,661,301,175	3,139,392,116
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn				40,665,540,259	5,964,719,460
Cộng				43,326,841,434	9,104,111,576
2- Các khoản đầu tư tài chính:					
		Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
a) Chứng khoán kinh doanh:					
- Tổng giá trị cổ phiếu		342,250,000	273,920,000	342,250,000	157,504,000
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội		342,250,000	273,920,000	342,250,000	157,504,000
- Số lượng cổ phiếu					
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội				34,240	34,240
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình		224,147	2,003,528,515	224,147	2,003,528,515
+ Công ty CP XDTL MECO Sài Gòn		420,724	946,629,000	420,724	1,262,172,000
+ Công ty CP Cơ khí Văn Lâm			8,048,082,953		8,048,082,953
+ Công ty CP Thủy điện Thác Xăng		1,673,036	16,730,363,345	1,671,130	16,711,299,267
+ BQL DA khu đô thị phía đông huyện Văn			35,000,000,000		35,000,000,000
Cộng			62,728,603,813		63,025,082,735
- Đầu tư vào đơn vị khác					
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
+ Công ty CP ĐT và PT các KCN Hà Tĩnh		1,050,000,000	1,050,000,000	1,050,000,000	1,050,000,000
+ Công ty CP BP Tư vấn và đầu tư XD		1,800,000,000	1,800,000,000	1,800,000,000	1,800,000,000
+ Công ty CP Ván nhân tạo Yên Bái		2,550,000,000	(2,550,000,000)	2,550,000,000	(2,550,000,000)
+ Công ty CP ĐT và PT Đô thị Long Giang				53,447,824,939	(27,391,572,019)
+ Công ty CP Kính Melita		500,000,000	500,000,000	500,000,000	500,000,000
Cộng		5,900,000,000	(2,550,000,000)	59,347,824,939	(29,941,572,019)
3- Phải thu của khách hàng					
				Cuối kỳ	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn				418,138,103,703	427,913,275,409
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				6,293,112,355	10,293,112,355
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm					
Phải thu về tiền cho thuê nhà xưởng và thu khác				6,293,112,355	10,293,112,355
4- Phải thu khác					
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn					
- Tạm ứng		202,506,719,050	-	118,850,444,869	-
- Ký cược, ký quỹ		114,010,419,343		95,603,548,212	
- Phải thu khác		15,700,000		1,234,672,150	
Cộng		88,480,599,707		22,012,224,507	
5- Tài sản thiếu chờ xử lý					
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Hàng tồn kho			214,713,849		214,713,849
b) Tài sản khác			278,975,485		278,975,485
Cộng			493,689,334		493,689,334

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

6- Nợ xấu	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	10,775,776,791	-	10,775,776,791	-

Cộng

7- Hàng tồn kho	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi trên đường	4,953,477,310		208,859,060	
- Nguyên liệu, vật liệu	34,365,458,400		36,253,787,151	
- Công cụ, dụng cụ	31,650,000		47,367,312	
- Chi phí SX, KD dở dang	407,111,962,666	73,897,473,069	412,176,250,382	73,897,473,069
- Thành phẩm	94,211,080		94,211,080	
- Hàng hóa	28,610,858,139		28,699,912,683	
- Hàng gửi bán	118,519,295		118,519,295	
Cộng	475,286,136,890	73,897,473,069	477,598,906,963	73,897,473,069

8- Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

- Mua sắm

- XDCB

Dự án khu đô thị MECO - CITY

Dự án Suối Choang - Nghệ An

Dự án thủy điện Nậm Hóa

Dự án mỏ đá Hòa Bình

Cộng

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Mua sắm	1,223,229,426	1,223,229,426
- XDCB	290,260,729,112	213,481,464,435
Dự án khu đô thị MECO - CITY	107,304,540	107,304,540
Dự án Suối Choang - Nghệ An	22,326,781,214	22,326,781,214
Dự án thủy điện Nậm Hóa	261,438,518,709	184,666,857,153
Dự án mỏ đá Hòa Bình	6,388,124,649	6,380,521,528
Cộng	291,483,958,538	214,704,693,861

9- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	378,982,042,119	256,664,236,673	13,931,424,276	398,034,331	649,975,737,399
- Mua trong kỳ	200,000,000	-	-	-	200,000,000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	396,245,293	(40,188,436)	-	-	356,056,857
- Thanh lý, nhượng bán		(9,396,421,670)	-	-	(9,396,421,670)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>379,578,287,412</i>	<i>247,227,626,567</i>	<i>13,931,424,276</i>	<i>398,034,331</i>	<i>641,135,372,586</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	17,309,135,475	71,448,500,197	13,125,184,804	394,397,970	102,277,218,446
- Khấu hao trong kỳ	8,027,442,044	9,900,691,513	347,065,555	3,636,361	18,278,835,473
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>25,336,577,519</i>	<i>72,604,128,808</i>	<i>13,472,250,359</i>	<i>398,034,331</i>	<i>111,810,991,017</i>
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	361,672,906,644	185,215,736,476	806,239,472	3,636,361	547,698,518,953
- Tại ngày cuối kỳ	354,241,709,893	174,623,497,759	459,173,917	-	529,324,381,569

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

514,709,316,746

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

59,532,874,897

10- Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng

b) Dài hạn

- Các khoản khác

Cộng

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	91,136,106	282,060,109
- Các khoản khác	404,309,766	292,198,781
Cộng	495,445,872	574,258,890

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

11- Vay và nợ thuê tài chính		Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	165,973,638,342	165,973,638,342	45,133,171,987	38,421,438,404	159,261,904,759	159,261,904,759	
b) Vay dài hạn	406,477,665,232	406,477,665,232	81,671,758,449		324,805,906,783	324,805,906,783	
<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>131,995,568,506</i>	<i>131,995,568,506</i>			<i>131,995,568,506</i>	<i>131,995,568,506</i>	
<i>Trên 5 năm</i>	<i>274,482,096,726</i>	<i>274,482,096,726</i>	<i>81,671,758,449</i>		<i>192,810,338,277</i>	<i>192,810,338,277</i>	
Cộng	572,451,303,574	572,451,303,574	126,804,930,436	38,421,438,404	484,067,811,542	484,067,811,542	
12- Phải trả người bán		Cuối kỳ		Đầu năm			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	211,737,714,147	211,737,714,147	227,340,487,957	227,340,487,957	227,340,487,957	227,340,487,957	
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	17,085,796,665	17,085,796,665	17,590,398,665	17,590,398,665	17,590,398,665	17,590,398,665	
<i>Công ty CP xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn</i>							
<i>Phải trả tiền khối lượng thi công</i>	<i>1,141,678,926</i>	<i>1,141,678,926</i>	<i>1,646,280,926</i>	<i>1,646,280,926</i>	<i>1,646,280,926</i>	<i>1,646,280,926</i>	
<i>Công ty CP đầu tư và PTĐT Long Giang</i>							
<i>Phải trả tiền khối lượng thi công</i>	<i>13,219,371,169</i>	<i>13,219,371,169</i>	<i>13,219,371,169</i>	<i>13,219,371,169</i>	<i>13,219,371,169</i>	<i>13,219,371,169</i>	
13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ		
- Thuế GTGT	35,075,858,446	9,582,885,955	20,204,214,493	24,454,529,908			
- Thuế TNDN	1,836,178,304	15,212,989,449	701,682,843	16,347,484,910			
- Thuế TNCN	224,229,237	282,461,569	204,171,429	302,519,377			
- Thuế tài nguyên	425,267,422	1,690,633,674	1,397,625,272	718,275,824			
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	187,953,911	164,411,468	164,411,468	187,953,911			
- Các loại thuế khác	2,451,740,452	6,028,082,566	87,960,381	8,391,862,637			
Cộng	40,201,227,772	32,961,464,681	22,760,065,886	50,402,626,567			
14- Chi phí phải trả		Cuối kỳ	Đầu năm				
a) Ngắn hạn		157,185,374,039	183,095,239,166				
- Chi phí lãi vay phải trả		15,944,893,962	24,001,688,974				
- Lãi trái phiếu phải trả		105,726,000	105,726,000				
- Chi phí công trình		139,514,353,804	157,367,423,919				
- Chi phí hỗ trợ đi dời		1,620,400,273	1,620,400,273				
b) Dài hạn		73,425,044,177	73,425,044,177				
- Lãi vay		73,425,044,177	73,425,044,177				
Cộng		230,610,418,216	256,520,283,343				
15- Phải trả khác		Cuối kỳ	Đầu năm				
a) Ngắn hạn							
- Kinh phí công đoàn		157,732,205	374,178,635				
- Bảo hiểm xã hội		1,118,164,395	1,195,975,221				
- Bảo hiểm thất nghiệp		8,421,909	24,647,287				
- Phải trả về cổ phần hoá		252,180,000	252,180,000				
- Cổ tức loại nhuận phải trả		2,770,883,026	2,770,883,026				
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		268,483,595,429	193,731,203,391				
Cộng		272,790,976,964	198,349,067,560				
16- Doanh thu chưa thực hiện		Cuối kỳ	Đầu năm				
Dài hạn							
- Doanh thu nhận trước		11,681,086,486	11,681,086,486				
Cộng		11,681,086,486	11,681,086,486				

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

17- Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	25,575,476,453	9,150,502,478	598,177,588,521
- Lãi trong năm trước					8,975,566,524	126,074,627	32,029,551,707
- Giảm vốn trong năm trước						(150,000,000)	(150,000,000)
Số dư cuối năm trước - Số dư đầu năm nay	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	34,551,042,977	9,126,577,105	607,129,229,672
- Tăng vốn trong kỳ						1,850,000,000	1,850,000,000
- Lãi trong kỳ					3,629,239,859	136,862,202	7,395,341,920
Số dư cuối kỳ	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	38,180,282,836	11,113,439,307	612,745,331,733

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp của các đối tượng khác

Cộng

Cuối kỳ

Đầu năm

575,100,000,000 575,100,000,000

575,100,000,000 575,100,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

Năm nay

Năm trước

575,100,000,000 575,100,000,000

575,100,000,000 575,100,000,000

d) Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

+ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

Cuối kỳ

Đầu năm

57,510,000 57,510,000

57,510,000 57,510,000

57,510,000 57,510,000

5,460,000 5,460,000

5,460,000 5,460,000

52,050,000 52,050,000

52,050,000 52,050,000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000đ/CP

e) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển

Cuối kỳ

Đầu năm

28,817,258,755 28,817,258,755

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;

- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

18- Nguồn kinh phí

- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ

Cuối kỳ

Đầu năm

12,929,251 20,793,190

19- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại

Đô la Mỹ (USD)

Đồng Euro (EUR)

Cuối kỳ

Đầu năm

988.69 989.79

339.06 339.06

b) Nợ khó đòi đã xử lý:

4,857,933,003 4,857,933,003

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Q3/2017	Q3/2016
1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	7,731,299,143	17,337,570,036
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	29,705,824,131	29,816,022,283
- Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS		21,576,481,474
- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện	8,101,132,252	
- Doanh thu khác	6,226,301,293	6,195,373,376
Cộng	51,764,556,819	74,925,447,169
2- Giá vốn hàng bán	Q3/2017	Q3/2016
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	7,355,377,199	17,349,674,662
- Giá vốn hoạt động xây dựng	14,424,399,797	25,651,316,793
- Giá vốn hoạt động kinh doanh BĐS	-	16,930,634,820
- Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh điện	(34,489,358)	
- Giá vốn khác	5,077,388,861	5,214,933,908
Cộng	26,822,676,499	65,146,560,183
3- Doanh thu hoạt động tài chính	Q3/2017	Q3/2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,659,358	6,978,355
- Lãi chênh lệch tỷ giá	24,614,815	7,596,125
Cộng	27,274,173	14,574,480
4- Chi phí tài chính	Q3/2017	Q3/2016
- Lãi tiền vay	7,875,863,747	4,530,657,015
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3,763,970,200)	859,930,500
- Chi phí tài chính khác	20,980,935	6,000,957
Cộng	4,132,874,482	5,396,588,472
5- Thu nhập khác	Q3/2017	Q3/2016
- Các khoản khác	87,226,890	
Cộng	87,226,890	
6- Chi phí khác	Q3/2017	Q3/2016
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		198,055,556
- Các khoản bị phạt	5,961,712,723	1,057,646,642
- Các khoản khác	3,712	
Cộng	5,961,716,435	1,255,702,198
7- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Q3/2017	Q3/2016
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí cho nhân viên	1,354,992,867	1,408,239,629
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19,940,547	14,514,087
- Chi phí đồ dùng văn phòng	28,722,385	19,358,599
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1,925,601	6,302,982
- Thuế phí và lệ phí		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	130,395,287	240,888,550
- Chi phí bằng tiền khác	276,157,983	286,107,536
Cộng	1,812,134,670	1,975,411,383
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí cho nhân viên	4,650,450	8,885,302
Cộng	4,650,450	8,885,302
8- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Q3/2017	Q3/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7,698,859,383	8,333,226,006
- Chi phí nhân công	1,948,582,371	1,418,998,997
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3,745,903,253	2,819,651,248
- Chi phí máy thi công	957,330,646	1,384,987,103
- Chi phí sản xuất chung	25,201,353,898	28,881,442,324
Cộng	39,552,029,551	42,838,305,678

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

9- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Q3/2017	Q3/2016
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13,039,824,346	1,051,693,111
Trong đó		
+ Hoạt động kinh doanh bất động sản	(5,941,122,185)	45,628,996
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	18,980,946,531	1,006,064,115
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(156,886,217,203)	(156,363,734,380)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	6,066,893,723	1,210,827,642
Phạt vi phạm hành chính	570,538	1,057,646,642
Phân lỗ trong công ty liên kết	105,181,000	105,181,000
Các khoản phạt thuế	5,961,142,185	
Thủ lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành		48,000,000
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(162,953,110,926)	(157,574,562,022)
Thu nhập được miễn thuế của công ty con	(295,946,328)	
Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước		(1,788,672,578)
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(162,657,164,598)	(155,785,889,444)
- Tổng thu nhập chịu thuế	(143,846,392,857)	(155,312,041,269)
- Thu nhập chịu thuế của công ty con	15,564,610	13,556,854
- Thu nhập chịu thuế tại công ty mẹ	(143,861,957,467)	(155,325,598,123)
Trong đó:		
Hoạt động kinh doanh bất động sản		45,628,996
Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	(143,861,957,467)	(155,371,227,119)
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế phải nộp tại công ty con	3,112,922	2,711,371
Thuế TNDN điều chỉnh cho các kỳ trước	15,168,301,057	394,661,274
Thuế phải nộp tại công ty mẹ		9,125,799
- Thuế TNDN phải nộp	15,171,413,979	406,498,444

VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	Kỳ này
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	126,804,930,436
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	38,421,438,404

VIII. Những thông tin khác

1- Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Q3/2017	Q3/2016
Tiền lương	283,813,068	246,018,031
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	25,783,878	25,288,248
Cộng	309,596,946	271,306,279

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình
 Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn
 Công ty CP Cơ khí Văn Lâm
 Công ty CP Thủy điện Thác Xăng
 Công ty CP Đầu tư và PTĐT Long Giang

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty có ủy viên HĐQT làm Chủ tịch
 HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm		
Phải thu về tiền thuê nhà xưởng và các khoản khác	6,293,112,355	10,293,112,355
Cộng nợ phải thu	6,293,112,355	10,293,112,355

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Thủy điện Thác Xăng		
Ứng tiền thi công công trình	2,582,367,991	2,582,367,991
Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn		
Phải trả các khoản khác	9,900,149	9,900,149
Phải trả tiền thi công	1,141,678,926	1,646,280,926
Công ty CP Đầu tư và PTĐT Long Giang		
Phải trả tiền thi công	13,219,371,169	13,219,371,169
Cộng nợ phải trả	16,953,318,235	17,457,920,235

2- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ khác

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Kỳ này					
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	29,705,824,131	7,731,299,143		14,327,433,545	51,764,556,819
Tổng DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29,705,824,131	7,731,299,143		14,327,433,545	51,764,556,819
Chi phí bộ phận	14,424,399,797	7,360,027,649		6,855,034,173	28,639,461,619
KQKD theo bộ phận	15,281,424,334	371,271,494		7,472,399,372	23,125,095,200
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					(105,181,000)
Lợi nhuận từ hoạt động KD					23,019,914,200
Doanh thu hoạt động tài chính					27,274,173
Chi phí tài chính					4,132,874,482
Thu nhập khác					87,226,890
Chi phí khác					5,961,716,435
Chi phí thuế TNDN hiện hành					15,171,413,979
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế TNDN					(2,131,589,633)
Tổng CP phát sinh mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác					76,979,264,677
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CP trả trước dài hạn					18,278,835,473

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1,273,784,063,743	296,478,530,256	287,555,557,572	165,246,139,905	2,023,064,291,476
Các tài sản không phân bổ theo BP					
Tổng tài sản	1,273,784,063,743	296,478,530,256	287,555,557,572	165,246,139,905	2,023,064,291,476
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	1,009,829,671,107	88,710,427,986	60,306,285,873	251,459,645,526	1,410,306,030,492
Nợ phải trả không phân bổ theo BP					
Tổng nợ phải trả	1,009,829,671,107	88,710,427,986	60,306,285,873	251,459,645,526	1,410,306,030,492
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	959,424,580,788	296,646,259,106	437,715,478,096	194,890,444,471	1,888,676,762,461
Các tài sản không phân bổ theo BP					
Tổng tài sản	959,424,580,788	296,646,259,106	437,715,478,096	194,890,444,471	1,888,676,762,461
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	912,706,230,621	87,868,299,136	159,356,783,155	121,595,426,687	1,281,526,739,599
Nợ phải trả không phân bổ theo BP					
Tổng nợ phải trả	912,706,230,621	87,868,299,136	159,356,783,155	121,595,426,687	1,281,526,739,599

3- Những thông tin khác:

Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam xin giải trình biến động kết quả kinh doanh của Công ty trong quý 3 năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016.

Kết quả kinh doanh hợp nhất quý 3 năm 2017 bị lỗ là do trong kỳ Công ty mẹ ghi nhận số thuế TNDN phải nộp bổ sung cho hoạt động kinh doanh Bất động sản theo Biên bản thanh tra thuế giai đoạn năm 2015 - 2016.

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN NGỌC HÙNG

